

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số:03/2021/HS-ST
Ngày:28/01/2021.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Q, ông Hoàng Quốc T.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Như T- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lò Văn P sinh ngày 01/01/2002 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đ, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không, trình độ văn hóa: 07/12, con ông Mòng Văn H (bố dượng là ông Lò Văn K) và bà Lò Thị L; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2020, chuyển tạm giam từ ngày 17/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Bà Ninh Thị H – Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

Bị hại:

Anh Phạm Văn B, sinh năm 1987. Vắng mặt- Có đơn xin xử vắng mặt

Trú tại: Thôn 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Các anh Đinh Văn G, Phạm Xuân L, Trần Minh P, Vũ Đức H – Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn P là người không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên đi lang thang. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 10/11/2020, P đi bộ từ ngã ba Gián Khẩu theo đường 477 đi Thị trấn M. Khi đi qua cửa hàng vật liệu xây dựng của gia đình anh Vũ

Đức H, sinh năm 1988, trú tại đường 477, thôn X, xã G, P phát hiện tại kho xi măng của anh H có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, Biển kiểm soát 35AN-042.46 của anh Phạm Văn B, sinh năm 1987, trú tại thôn 1, xã G, huyện G (*anh Bình là người làm thuê cho anh H*) đang dựng quay đầu vào phía trong, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá điện, nên P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. P đi bộ qua nhà kho xi măng khoảng 15m rồi quay vòng lại. Quan sát xung quanh không có ai, P đi vào trong nhà kho, ngồi lên chiếc xe máy, dùng tay phải mở khoá ổ điện, nổ máy rồi điều khiển xe đi về phía thị trấn M, huyện G. Cùng lúc đó, anh H phát hiện P trộm cắp xe mô tô nên hô hoán và đuổi theo. Bị đuổi, P điều khiển xe mô tô đi tiếp khoảng 40m thì dừng lại rồi bỏ xe mô tô bên đường và chạy xuống cánh đồng thuộc địa phận thôn Xuân Đài, xã G để trốn thì bị anh H cùng một số người dân bắt giữ và giao cho Lực lượng công an huyện G. Thu giữ tại hiện trường 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, số loại HDRS, Biển kiểm soát 35AN-042.46 sơn màu xanh. Thu giữ của Lò Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu xanh loại bàn phím, lắp số thuê bao 0384.024.694.

Ngày 11/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G ra Yêu cầu định giá tài sản số 34 yêu cầu xác định giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, số loại HDRS.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KLĐG-HĐ ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, số loại HDRS trị giá 8.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, số loại HDRS sơn màu xanh, Biển kiểm soát 35AN-042.46 cho anh Phạm Văn Bình là phù hợp.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G ra quyết định chuyển 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu xanh loại bàn phím, lắp số thuê bao 0384.024.694, đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Quá trình điều tra, bị cáo P đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT- VKS-GV, ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Lò Văn P ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng Điều 173 khoản 1, 5 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về các kết luận định giá và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử phạt Lò Văn P từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/11/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo P cũng đã có bài bào chữa nêu rõ thừa nhận hành vi của bị cáo P là vi phạm pháp luật hình sự, thừa nhận tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà VKSND huyện G truy tố, áp dụng đối với bị cáo P là hoàn toàn chính xác. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội cũng như việc bị cáo là người dân tộc ít người, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) xử bị cáo P mức án 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì, được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Bà Kiểm sát viên tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 10/11/2020, bị cáo Lò Văn P đã đột nhập vào nhà kho bán vật liệu xây dựng của gia đình anh Vũ Đức H, trú tại đường 477, thôn Xuân Đài, xã G, huyện G và có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu HB CUB Biển kiểm soát 35AN-042.46, trị giá 8.000.000 đồng của anh Phạm Văn Bình đúng như kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên, nên hành vi của bị cáo P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo và trị giá tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo P theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và là người có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ nghèo đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình trị an của địa phương nên cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét bị cáo là người có nhân thân tốt, là người dân tộc ít người, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi nguyên vẹn trả cho bị hại nên lời của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) xử bị cáo P mức án 06 tháng tù là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại về tài sản của anh Phạm Văn B. Anh B đã nhận đủ số tài sản do bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu HB CUB, số loại HDRS sơn màu xanh, Biển kiểm soát 35AN-042.46 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu xanh loại bàn phím, lắp số thuê bao 0384.024.694, là tài sản hợp pháp của Lò Văn P, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho P.

[9] Về án phí: Bị cáo là người thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Lò Văn P 06(Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS); Điều 47 BLHS:

Trả lại cho bị cáo Lò Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL màu xanh loại bàn phím, lắp số thuê bao 0384.024.694. (*Đặc điểm Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 06/01/2021*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn P .

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- Công an huyện GV;
- Chi cục THADS huyện GV;
- VKSND huyện GV;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q